

Số: 173 /TB-UBND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 8 năm 2016

**THÔNG BÁO**

**Về việc lấy ý kiến Nhân dân về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020,  
Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Đắk Lắk**

Thực hiện Luật Đất đai 2013, Chỉ thị số 68/CT-TTg ngày 20/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh Đắk Lắk đã triển khai lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh; Báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) cấp Quốc gia đã được Quốc Hội thông qua tại Nghị quyết số 134/NQ-QH13 ngày 09/4/2016; UBND tỉnh đang chờ Chính phủ phân bổ chỉ tiêu điều chỉnh Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020 để làm cơ sở hoàn thiện, trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, báo cáo HĐND tỉnh thông qua và trình Chính phủ xét duyệt theo quy định;

Trên cơ sở chỉ tiêu điều chỉnh Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của tỉnh được Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ ngày 30/6/2016; UBND tỉnh đã chỉ đạo hoàn thành dự thảo “Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất 2016-2020 tỉnh Đắk Lắk.

Dự kiến chỉ tiêu điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất của tỉnh đến năm 2020 như sau:

*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	HT năm 2015	Quy hoạch đến năm 2020			
				CT được duyệt theo NQ-69	Điều chỉnh QH 2020	Chênh lệch (2020-NQ69)	Chênh lệch (2020-2015)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6-5)	(8)=(6-4)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>1.312.345</b>	<b>1.312.537</b>	<b>1.312.345</b>	<b>-192</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>1.160.093</b>	<b>1.167.031</b>	<b>1.167.566</b>	<b>535</b>	<b>7.473</b>
	<i>Trong đó:</i>						
1.1	Đất trồng lúa	LUA	69.149	60.162	68.499	8.337	-650
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>46.735</i>	<i>40.005</i>	<i>40.005</i>		<i>-6.730</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	170.069	142.675	144.198	1.523	-25.871
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	388.041	318.370	350.595	32.225	-37.445
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	73.033	69.427	71.994	2.567	-1.039
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	215.387	219.132	227.902	8.770	12.515
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	239.852	353.558	296.516	-57.042	56.664
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	4.472	3.604	4.471	868	-1
1.8	Đất làm muối	LMU					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	89	102	3.389	3.287	3.300
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>88.352</b>	<b>122.342</b>	<b>111.665</b>	<b>-10.677</b>	<b>23.313</b>
	<i>Trong đó:</i>						
2.1	Đất quốc phòng	CQP	5.434	8.655	9.318	663	3.884
2.2	Đất an ninh	CAN	2.306	2.382	2.343	-39	37
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	189		182	182	-8

2.4	Đất khu chế xuất	SKT					
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	361	1.384	1.008	-376	647
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	424		1.697	1.697	1.273
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	620	2.731	1.552	-1.179	932
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động KS	SKS	16	721	718	-3	703
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	41.494	60.971	51.407	-9.564	9.913
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	84	334	333	-1	249
-	Đất cơ sở y tế	DYT	114	253	236	-17	123
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	1.182	1.780	1.465	-315	283
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	401	920	645	-274	244
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	130	181	181		51
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	87	89	89		2
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	140	430	430		290
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	11.982	13.671	15.145	1.473	3.162
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	2.842	3.637	3.091	-546	249
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	230	727	525	-202	295
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	57	7	75	68	18
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	131	126	143	17	13
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1.884	2.125	2.304	178	419

Căn cứ quy định tại Điều 43, 44 của Luật Đất đai 2013; Điều 8, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai; UBND tỉnh thông báo đến quý tổ chức, cơ quan, đơn vị và cá nhân các tài liệu sau:

- Báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh;

- Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh;

(Các tài liệu trên được UBND tỉnh đăng tải trên trang thông tin: [www.daklak.gov.vn](http://www.daklak.gov.vn))

Với mục đích quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho quy hoạch kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh và bảo đảm môi trường, UBND tỉnh đề nghị các cơ quan đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến đối với 2 nội dung trên. Ý kiến tham gia gửi về Sở Thông tin và Truyền thông qua cổng thông tin điện tử của tỉnh (địa chỉ: [www.daklak.gov.vn](http://www.daklak.gov.vn)).

UBND tỉnh rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các cơ quan đơn vị, cá nhân trên địa bàn tỉnh để hoàn thiện việc điều chỉnh Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của tỉnh.

**Nơi nhận**

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TTTT, TN&MT, NN&PTNT, TC, KH&ĐT, CT, XD, TP;
- Các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh (để đưa tin);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng TT điện tử của tỉnh;
- Lưu VT, NNMT. Tg 30

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Giang Gry Niê Knong